**Phụ lục**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-NHNN ngày 30/06/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**BẢNG KÊ CÁC NHU CẦU SỬ DỤNG VỐN VAY NGẮN HẠN NƯỚC NGOÀI**

*(Đính kèm Phương án sử dụng vốn vay ngắn hạn nước ngoài)*

**1. Thanh toán các khoản nợ ngắn hạn phải trả bằng tiền kể từ thời điểm rút vốn khoản vay ngắn hạn nước ngoài1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung các khoản nợ ngắn hạn dự kiến thanh toán bằng nguồn vốn vay ngắn hạn nước ngoài2 | Giá trị3 | Dự kiến thời điểm thanh toán4 | Thỏa thuận/tài liệu làm phát sinh nghĩa vụ nợ ngắn hạn phải trả5 |
| 1. ………. |  |  |  |
| 2. ……… |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |  |

**2. Phục vụ hoạt động nghiệp vụ của bên đi vay có thời hạn sử dụng vốn dưới 12 tháng kể từ thời điểm rút vốn khoản vay ngắn hạn nước ngoài** (chỉ áp dụng đối với Bên đi vay thuộc đối tượng phải đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phân loại mục đích sử dụng6 | Giá trị7 | Căn cứ xây dựng nhu cầu vốn8 |
| 1. ……..... |  |  |
| 2. ……….. |  |  |
|  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |

**Hướng dẫn lập bảng:**

1. Các khoản nợ ngắn hạn tại mục này được xác định căn cứ theo quy định của pháp luật hiện hành hướng dẫn về chế độ kế toán doanh nghiệp, bao gồm các khoản nợ ngắn hạn phải trả bằng tiền nhưng không bao gồm các khoản nợ vay trong nước. Trường hợp Bên đi vay vay nước ngoài ngắn hạn để trả khoản nợ nước ngoài, bên đi vay phải chứng minh mục đích sử dụng vốn thông qua Phương án cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài (không thuộc đối tượng báo cáo tại Bảng kê này).

2. Liệt kê các khoản nợ ngắn hạn phải trả bằng tiền phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự án khác, ví dụ như nợ phải trả người bán ngắn hạn, thuế và các khoản nộp nhà nước, phải trả cho người lao động, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng,…

3. Giá trị quy đổi theo đồng tiền rút vốn của khoản vay. Trường hợp đồng tiền của các khoản nợ phải trả khác với đồng tiền rút vốn của khoản vay, Bên đi vay áp dụng tỷ giá hạch toán ngoại tệ theo thông báo của Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) áp dụng tại thời điểm lập Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài để quy đổi giá trị các khoản nợ nhằm dự toán tổng nhu cầu sử dụng vốn vay nước ngoài ngắn hạn.

4. Thời điểm thanh toán theo quy định tại Thỏa thuận/văn bản làm phát sinh nghĩa vụ nợ hoặc các Thỏa thuận có liên quan khác áp dụng đối với các khoản nợ (dự kiến theo tháng, ví dụ: tháng 10/2023).

5. Ghi rõ thông tin về Thỏa thuận/tài liệu, thông tin tham chiếu như số, ngày của Thỏa thuận/tài liệu làm phát sinh nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ.

6. Liệt kê các nội dung sử dụng vốn phục vụ hoạt động nghiệp vụ của Bên đi vay, tuân theo pháp luật chuyên ngành. Phần này chỉ áp dụng đối với với khoản vay ngắn hạn nước ngoài của Bên đi vay thuộc đối tượng phải đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành ví dụ như các tổ chức kinh doanh chứng khoán.

7. Giá trị quy đổi theo đồng tiền rút vốn của khoản vay. Trường hợp đồng tiền chi trả cho các hoạt động nghiệp vụ của bên đi vay khác với đồng tiền rút vốn của khoản vay, bên đi vay sử dụng tỷ giá hạch toán ngoại tệ theo thông báo của Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước) áp dụng tại thời điểm lập Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài để tính toán.

8. Nêu rõ căn cứ xây dựng nhu cầu vốn như kế hoạch kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các thỏa thuận đã ký kết làm phát sinh nhu cầu sử dụng vốn vay,…